

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2020
“V/v Ly hôn giữa anh Ph
và Chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03-12-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Ph, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986.

ĐKHKTT: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Trại PK1, tổ 7, ấp 4, xã Ph, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13-10-2020 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn Ph trình bày:

Anh kết hôn với Chị H là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện H vào ngày 17-3-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, vợ chồng không thống nhất được nơi ăn chốn ở. Anh đã cố gắng khắc

phục nhưng không có kết quả, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12-2019 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Về nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Quang Tr, sinh ngày 29-8-2012 và cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 12-11-2015. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, Chị H đang nuôi cháu L. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu Tr, để Chị H nuôi cháu L, đôi bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Anh và chị H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 23-10-2020 bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh Ph như anh Ph trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, vợ chồng không thống nhất được nơi ăn chỗ ở. Chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 12-2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Ph xin ly hôn chị, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị và anh Ph được ly hôn. Về nuôi con chung: Chị và anh Ph có 02 con chung là Bùi Quang Tr, sinh ngày 29-8-2012 và cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 12-11-2015. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu L, để anh Ph nuôi cháu Tr, đôi bên không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị và anh Ph tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Ph và Chị H được ly hôn; về con chung: Giao cháu Bùi Quang Tr, sinh ngày 29-8-2012 cho anh Ph nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 12-11-2015 cho chị H nuôi dưỡng, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Ph, chị H được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Anh Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] Anh Ph khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H, chị H đang tạm trú: Trại PK1, tổ 7, ấp 4, xã Ph, huyện V, tỉnh Đồng Nai, chị H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện H giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình.

[3] Chị H có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Anh Ph, chị H đều trình bày kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H vào ngày 17-3-2011 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất được nơi ăn chỗ ở. Đôi bên đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12-2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ph, chị H đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh Ph xin ly hôn chị H cũng nhất trí, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa anh Ph và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Anh Ph và chị H có 02 con chung là Bùi Quang Tr, sinh ngày 29-8-2012 và cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 12-11-2015. Hiện nay anh Ph đang nuôi cháu Tr, chị H đang nuôi cháu L. Vì vậy tiếp tục để anh Ph nuôi cháu Tr, chị H nuôi cháu L, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung*: Anh Ph, chị H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Anh Ph phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Bùi Văn Ph và chị Trần Thị H.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Bùi Quang Tr, sinh ngày 29-8-2012 cho anh Ph nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 12-11-2015 cho Chị H

nuôi dưỡng, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Ph, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí:** Anh Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006167 ngày 13-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, anh Ph đã nộp đủ tiền án phí.

5. Anh Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Trần Thị Nhàn

